

Số: 1738/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị  
nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17  
phường Quyết Thắng (Hạng mục bãi đỗ thải)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (Hạng mục bãi đỗ thải);*





Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1014/TTr-TNMT ngày 29/12/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà: **Vùi Thị Cúc** - Cư trú tại bản Sáo Làn Than, phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 356.706.693 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Quyết Thắng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Vùi Thị Cúc có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Quyết Thắng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

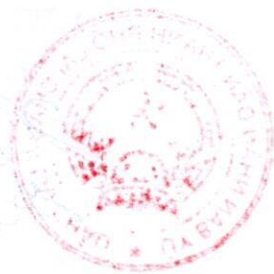
**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, PCT UBND thành phố (Đ/c Xiêng);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Đỗ Văn Xiêng**





**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**  
**DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VÀ MẶT BẰNG ĐÔ THỊ ĐƯỜNG NỘI TỪ TRỤ SỞ UBND PHƯỜNG ĐOÀN KẾT MỚI ĐỀN GIAO**  
**ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG QUYẾT THẮNG (HẠNG MỤC BÃI ĐÓ THẢI)**

(Kèm theo Quyết định số: 1738 /QĐ-UBND ngày 29 / 12/2023 của UBND thành phố Lai Châu

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=4*5</b>	
	<b>Hộ gia đình: VÙI THỊ CÚC</b>					
	Địa chỉ thường trú: Bản Sáo Làn Than - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	<b>Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)</b>				<b>356.706.693</b>	#REF!
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>62.561.190</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	1.862,1			
2	Loại đất:					
2,1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	736,8	36.800	27.114.240	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	1.125,3	31.500	35.446.950	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Hộ gia đình bà Vùi Thị Cúc được đo đạc, quy chủ 02 thửa đất (thửa số 154,159, tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 1862,1 m <sup>2</sup> . (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Thửa đất bà Cúc nhận tặng cho QSD đất của bố đẻ là ông Vùi Văn Sinh năm 2007, đất ông Sinh tự khai hoang sử dụng từ năm 1990. Mục đích sử dụng: Đất bằng trồng cây hàng năm khác và trồng nương rẫy. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
<b>b</b>	<b>Tài sản, vật kiến trúc</b> (Tài sản gia đình bà Vùi Thị Cúc tự xây dựng năm 2013; sử dụng ổn định, không tranh chấp; không bị lập biên bản vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính; tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt dự án. Nhà khung cột gỗ, bán mái khung sắt xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, các tài sản còn lại là chuồng lợn, ống thép, đường dây điện đúng mục đích sử dụng đất)				<b>45.929.980</b>	
	<i>Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất hỗ trợ 50% mức bồi thường (Quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>					
1	Nhà khung cột gỗ (phần khung nhà đường kính cột >20cm) (5.0*9.5)	m <sup>2</sup>	47,5	463.700	22.025.750	
2	Mái lợp fibro xi măng (5.0*9.5)	m <sup>2</sup>	47,5	28.300	1.344.250	
3	Ghép ván gỗ quanh nhà (27*2.5)	m <sup>2</sup>	67,5	67.400	4.549.500	
4	Bán mái khung sắt mái lợp ngói bro xi măng (2.9*2.4)	m <sup>2</sup>	6,96	163.750	1.139.700	
	<i>Tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất bồi thường 100% giá trị</i>					
1	Chuồng lợn xây, mái lợp ngói Fibro xi măng, nền láng VXM (8.5*3.2)	m <sup>2</sup>	27,2	417.900	11.366.880	
2	Đường dây điện 2x1 (Cu/PVC)	m	290	10.130	2.937.700	
3	Di chuyển cột thép fi 60 mắc đường dây điện	Cột	6	427.700	2.566.200	
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa mẫu</b>				<b>34.431.953</b>	
1	Cây đào phát tán bán kính R 2-4m	cây	1	485.072	485.072	
2	Cây đào phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	413.072	413.072	
3	Cây chanh phát tán bán kính R 1-2m	cây	2	225.543	451.086	
4	Cây bơ phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	410.324	410.324	
5	Cây xoài phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	410.324	410.324	
6	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	10	21.313	213.130	
7	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	10	24.393	243.930	
8	Cây ôi phát tán bán kính R 1-2m	cây	2	413.072	826.144	
9	Cây đu đủ trồng từ 1-2 năm chưa thu hoạch	cây	3	45.412	136.236	
10	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 1	cây	4	55.804	223.216	







STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
11	Cây bưởi phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	362.709	362.709	
12	Cây xoan lấy gỗ trồng 4 đến dưới 5 năm tuổi	cây	2	43.911	87.822	
13	Cây mắc ca bán kính tán R 1-2m	cây	51	505.041	25.757.091	
14	3 cây xoan lấy gỗ đường kính D=30cm, cao h=13m	m <sup>3</sup>	1,38	2.200.000	3.030.885	
15	Cây mận phát tán bán kính R 1-2m	cây	1	413.072	413.072	
16	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	cây	5	193.568	967.840	
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>213.783.570</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất bằng trồng cây hằng năm khác)	m <sup>2</sup>	736,8	110.400	81.342.720	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m <sup>2</sup>	1125,3	94.500	106.340.850	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở) (5 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng)	Kg	1.800,0	14.500	26.100.000	



